

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 01 - 2020.

V/v “Tranh chấp kiện ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lưu Thị L1, sinh năm 1982.

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố Q.A, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ.A, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Đặng Văn L2, sinh năm 1977.

Nơi ĐKNKTT: Xóm 1, PL (nay là thôn MT), xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố Đ.A, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(chị L1 có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L2 vắng mặt phiên tòa lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lưu Thị L1 trình bày:

Chị và anh Đặng Văn L2 kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm 06 tháng. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 03/2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Ngoài ra còn

do anh L2 ham chơi bởi cờ bạc ăn tiền dẫn đến việc nợ nần rất nhiều. Từ tháng 8/2013 đến nay anh L2 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương mà không có tin tức gì. Chị đã đi tìm rất nhiều nơi và nhiều lần nhưng không có tin tức gì về anh L2. Ngày 16/4/2019 chị đã làm thủ tục yêu cầu xin tuyên bố mất tích đối với anh Đặng Văn L2 và ngày 18/9/2019 Tòa án đã ra Quyết định tuyên bố một người mất tích đối với anh Đặng Văn L2. Nay quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng chị vẫn không có tin tức gì của anh L2. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Đặng Văn L2.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Minh Đ (con trai), sinh ngày 17/11/2007. Từ khi anh L2 bỏ đi đến nay cháu Đ do chị nuôi dưỡng, chăm sóc. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Đặng Văn L2, do không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo trực tiếp cho anh L2.

* Quan điểm của chính quyền địa phương: Đại diện Ủy ban nhân dân phường LH, thành phố PL đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của chị L1 xin ly hôn anh L2 theo quy định pháp luật. Về con: vợ chồng chị L1 có một con chung hiện nay cháu đang ở với chị L1. Khi giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định pháp luật.

* Nguyện vọng của cháu Đặng Minh Đ: Khi bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ là Lưu Thị L1.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị L1 vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt không lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lưu Thị L1. Xử lý hôn giữa chị Lưu Thị L1 và anh Đặng Văn L2.

+ Về con chung: Giao chị L1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Minh Đ (con trai), sinh ngày 17/11/2007 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L1.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện chị L1 không có thai nghén gì.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Đặng Văn L2 có hộ khẩu thường trú tại: Xóm 1, PL (nay là thôn MT), xã KB, thành phố Phủ Lý và nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ dân phố Đ.A, phường LH, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Lưu Thị L1 và anh Đặng Văn L2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập phiên tòa nhưng anh Đặng Văn L2 vẫn vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Lưu Thị L1 và anh Đặng Văn L2 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2007 tại UBND xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam, nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn, vợ chồng chị L1 và anh L2 đã có một thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Ngoài ra còn do anh L2 ham chơi cờ bạc ăn tiền dẫn đến việc nợ nần rất nhiều. Từ tháng 8/2013 anh L2 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương và từ đó đến nay không có tin tức gì về cho chị L1. Điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, anh L2 không còn quan tâm đến cuộc sống của chị L1. Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý đã ra quyết định số 03/2019/QĐST-VDS ngày 18/9/2019 tuyên bố anh Đặng Văn L2 mất tích. Đến

nay Quyết định đã có hiệu L2 pháp luật nhưng vẫn không có tin tức gì của anh L2. Hội đồng xét xử xét thấy: mục đích hôn nhân giữa chị L1 và anh L2 không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại từ tháng 8/2013 đến nay, do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giải quyết ly hôn giữa chị L1 và anh L2 là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Minh Đ (con trai), sinh ngày 17/11/2007. Từ khi anh L2 bỏ đi đến nay cháu Đ do mình chị L1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị Lưu Thị L1, Hội đồng xét xử thấy: Từ tháng 8/2013 đến nay cháu Đ do chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tình cảm mẹ con gắn bó, thân thiết. Cuộc sống của hai mẹ con duy trì được sự ổn định suốt một thời gian dài dù trong gia đình thiếu vắng bàn tay của người cha. Mặt khác, cháu Đ cũng có nguyện vọng xin được ở với chị L1 khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao cháu Đ cho chị L1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, anh L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và đúng pháp luật.

- Con nuôi, con riêng: Không có. Hiện nay chị L1 không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng : khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa chị Lưu Thị L1 và anh Đặng Văn L2.

[2] Về con chung: Giao chị Lưu Thị L1 được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung duy nhất của vợ chồng là cháu Đặng Minh Đ (con trai), sinh ngày 17/11/2007 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Đặng Văn L2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L1.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lưu Thị L1 phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị L1 được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004355 ngày 29/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị L1 đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Chị L1 và Anh L2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND xã KB, TP Phủ Lý;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên